



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định số** 2405/QĐ-CT.UB ngày 5 tháng 8 năm 2004

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

**Giấy phép Kinh doanh** Số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy phép Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 1800156801 được cấp ngày 6 tháng 9 năm 2010.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Phạm Thị Việt Nga Bà Lê Minh Hồng Ông Lê Chánh Đạo Ông Đoàn Đình Duy Khương Bà Nguyễn Thị Hồng Loan Ông Nguyễn Như Song Ông Lê Đình Bửu Trí Ông Nguyễn Sĩ Trung Kỳ	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Bà Phạm Thị Việt Nga Bà Lê Minh Hồng Ông Lê Chánh Đạo	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
--------------------------	---	---

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Trần Thị Ánh Như Ông Trần Quốc Hưng Ông Đàm Mạnh Cường  Ông Đinh Đức Minh	Chủ tịch Thành viên Thành viên (từ ngày 6 tháng 10 năm 2010) Thành viên (đến ngày 6 tháng 10 năm 2010)
----------------------	--	---

**Trụ sở đăng ký** 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam





**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán trước hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2010.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-175



Chong Kwang Puay  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>1.302.520.507.651</b>	<b>1.112.734.777.360</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>577.662.484.017</b>	<b>536.789.184.106</b>
Tiền	111		240.854.167.440	138.026.832.839
Các khoản tương đương tiền	112		336.808.316.577	398.762.351.267
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>4</b>	<b>395.567.418.981</b>	<b>266.890.879.799</b>
Phải thu thương mại	131		277.351.032.058	222.152.094.114
Trả trước cho người bán	132		27.899.031.185	26.063.756.097
Các khoản phải thu khác	135		94.904.742.807	21.836.566.440
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(4.587.387.069)	(3.161.536.852)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>324.767.325.307</b>	<b>292.003.526.922</b>
Hàng tồn kho	141		327.733.293.418	296.848.351.744
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.965.968.111)	(4.844.824.822)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.523.279.346</b>	<b>7.051.186.533</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		744.140.787	213.294.086
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		110.460.634	129.164.970
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.668.677.925	6.708.727.477



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>397.469.914.656</b>	<b>339.514.121.144</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>284.742.224.040</b>	<b>231.346.367.245</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	6	149.381.576.094	113.314.372.360
Nguyên giá	222		283.266.523.936	221.229.135.022
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.884.947.842)	(107.914.762.662)
Tài sản cố định vô hình	227	7	127.728.195.760	112.769.647.760
Nguyên giá	228		131.744.976.812	113.484.980.185
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.016.781.052)	(715.332.425)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	7.632.452.186	5.262.347.125
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>6.456.882.120</b>	-
Nguyên giá	241		7.784.646.717	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.327.764.597)	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>82.537.020.975</b>	<b>69.607.042.724</b>
Đầu tư vào công ty con	251		50.550.000.000	38.550.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		37.287.450.000	23.830.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		11.901.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(17.201.479.225)	(4.674.007.476)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.733.787.521</b>	<b>38.560.711.175</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	21.302.335.442	36.108.383.430
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	26	821.476.627	821.476.627
Tài sản dài hạn khác	268		1.609.975.452	1.630.851.118
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.699.990.422.307</b>	<b>1.452.248.898.504</b>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>485.158.158.588</b>	<b>472.043.742.247</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>426.202.287.683</b>	<b>419.246.768.966</b>
Vay ngắn hạn	311	12	12.802.412.973	73.979.662.132
Phải trả thương mại	312	13	92.260.051.435	79.190.790.892
Người mua trả tiền trước	313		1.213.856.155	1.001.512.191
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	14	34.880.141.307	31.454.790.935
Phải trả người lao động	315		83.051.402.645	70.983.383.445
Chi phí phải trả	316	15	158.693.025.840	150.032.732.744
Các khoản phải trả phải nộp khác	319		19.688.076.094	12.603.896.627
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	23.613.321.234	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>58.955.870.905</b>	<b>52.796.973.281</b>
Doanh thu chưa thực hiện	333		119.417.273	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	17	20.978.663.130	14.096.813.663
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	18	37.857.790.502	38.700.159.618
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.214.832.263.719</b>	<b>980.205.156.257</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.214.832.263.719</b>	<b>972.887.231.904</b>
Vốn cổ phần	411	19	269.129.620.000	266.629.620.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		378.761.392.824	378.761.392.824
Cổ phiếu quỹ	414	19	(455.850.000)	(410.400.000)
Quỹ đầu tư phát triển	416		187.595.334.349	4.217.739.831
Quỹ dự phòng tài chính	418		59.884.587.817	29.662.409.519
Lợi nhuận chưa phân phối	420		319.917.178.729	294.026.469.730
<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>7.317.924.353</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	419		-	7.317.924.353
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.699.990.422.307</b>	<b>1.452.248.898.504</b>

Người lập:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Văn Đạo  
Phó Tổng Giám đốc



ngày 30 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

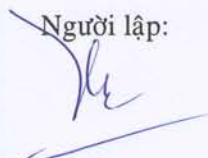


**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	20	1.968.962.298.723	1.728.924.948.924
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	(16.036.691.738)	(23.362.999.812)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>1.952.925.606.985</b>	<b>1.705.561.949.112</b>
Giá vốn hàng bán	11	21	(1.047.588.075.500)	(873.453.046.888)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>905.337.531.485</b>	<b>832.108.902.224</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	55.561.451.500	33.126.657.584
Chi phí tài chính	22	23	(15.935.677.592)	(22.917.192.462)
Chi phí bán hàng	24		(451.649.344.222)	(381.235.869.368)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(104.310.935.276)	(97.403.619.807)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>389.003.025.895</b>	<b>363.678.878.171</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	24	12.920.794.947	17.281.492.647
Chi phí khác	32	25	(9.414.667.885)	(15.470.626.141)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>392.509.152.957</b>	<b>365.489.744.677</b>
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	26	(45.689.142.228)	(43.916.637.478)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	26	-	(1.998.054.010)
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>60</b>		<b>346.820.010.729</b>	<b>319.575.053.189</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>27</b>	<b>12.952</b>	<b>11.989</b>

Người lập:



**Đặng Phạm Huyền Nhung**  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




**Lê Chánh Đạo**  
Phó Tổng Giám đốc

ngày 30 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

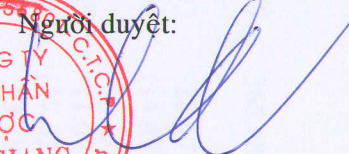
	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	200.000.000.000	378.761.392.824	(292.500.000)	38.460.772.279	21.962.409.519	62.012.122.650	700.904.197.272	(5.199.225.356)	695.704.971.916
Cổ phiếu thưởng	66.629.620.000	-	-	(66.629.620.000)	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(117.900.000)	-	-	-	(117.900.000)	-	(117.900.000)
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	32.386.587.552	7.700.000.000	(40.086.587.552)	-	-	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.193.293.776)	(16.193.293.776)	16.193.293.776	-
Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(1.292.029.781)	(1.292.029.781)	-	(1.292.029.781)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	319.575.053.189	319.575.053.189	-	319.575.053.189
Cổ tức (thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(29.988.795.000)	(29.988.795.000)	-	(29.988.795.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(3.676.144.067)	(3.676.144.067)
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	266.629.620.000	378.761.392.824	(410.400.000)	4.217.739.831	29.662.409.519	294.026.469.730	972.887.231.904	7.317.924.353	980.205.156.257
Phân loại sang nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-	(7.317.924.353)	(7.317.924.353)
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(136.800.000)	-	-	-	(136.800.000)	-	(136.800.000)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành	-	-	91.350.000	-	-	-	91.350.000	-	91.350.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	346.820.010.729	346.820.010.729	-	346.820.010.729
Cổ tức (thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(66.880.340.000)	(66.880.340.000)	-	(66.880.340.000)
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	183.377.594.518	30.222.178.298	(213.599.772.816)	-	-	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(30.222.178.298)	(30.222.178.298)	-	(30.222.178.298)
Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(10.227.010.616)	(10.227.010.616)	-	(10.227.010.616)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	187.595.334.349	59.884.587.817	319.917.178.729	1.214.832.263.719	-	1.214.832.263.719

Người lập:



**Đặng Phạm Huyền Nhung**  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



**Lê Chánh Đạo**  
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>392.509.152.957</b>	<b>365.489.744.677</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	38.221.580.893	28.471.900.104
Các khoản dự phòng	03	14.165.182.763	(14.499.920.780)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	-	(16.361.965)
Lãi thanh lý tài sản	05	(782.480.755)	(1.072.110.397)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	06	(51.688.344.612)	(17.622.622.221)
Chi phí lãi vay	07	2.010.709.744	3.389.443.987
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>394.435.800.991</b>	<b>364.140.073.405</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(119.143.795.667)	(9.382.784.110)
Biến động hàng tồn kho	10	(30.884.941.674)	7.072.458.557
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	58.500.311.021	10.470.675.557
Biến động chi phí trả trước	12	(530.846.701)	(19.044.914.855)
		<b>302.376.527.969</b>	<b>353.255.508.554</b>
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.182.859.688)	(3.628.334.868)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(51.406.016.030)	(29.774.348.070)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.987.628.237
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(26.086.735.042)	(8.704.318.958)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>222.700.917.209</b>	<b>314.136.134.895</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)**

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(107.830.283.229)	(55.879.467.637)
Tiền thu từ điều chỉnh giá mua quyền sử dụng đất	22	5.491.223.499	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	23	5.980.583.281	3.745.646.133
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	24	(5.095.308.180)	(20.340.326.200)
Tiền cho vay thu về từ các đơn vị khác	25	-	41.100.115.293
Tiền thu từ tiền gửi kỳ hạn	26	10.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	27	(20.615.000.000)	(3.930.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	28	157.550.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	29	55.686.656.490	28.799.476.641
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(56.224.578.139)</b>	<b>(6.504.555.770)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	2.591.350.000	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(136.800.000)	(117.900.000)
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	39.476.967.542	203.434.614.489
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(100.654.216.701)	(137.910.250.055)
Tiền trả cổ tức	36	(66.880.340.000)	(30.018.344.628)
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(125.603.039.159)</b>	<b>35.388.119.806</b>



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		40.873.299.911	343.019.698.931
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		536.789.184.106	193.916.455.156
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	(146.969.981)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	577.662.484.017	536.789.184.106

**CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Cấn trừ khoản phải thu với khoản chi đầu tư vào công ty con	5.000.000.000	-
Phải thu từ việc hủy hợp đồng thuê đất	13.848.944.240	-

Người lập:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Chánh Đạo  
Phó Tổng Giám đốc

ngày 30 tháng 3 năm 2011

## **Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 2.034 nhân viên (31/12/2009: 1.987 nhân viên).

#### **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này.

##### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính này là các báo cáo tài chính riêng và không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, nếu cần, trong các báo cáo tài chính này. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con và phát hành riêng các báo cáo này.

##### **(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

##### **(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)**

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.*

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(e) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ, các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong các báo cáo tài chính riêng của Công ty được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu giá thị trường của các khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư chịu lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



## **Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(h) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm

#### **(i) Tài sản cố định vô hình**

##### **(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn**

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

##### **(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn**

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

##### **(iii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)**

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 5 đến 16 năm.

**(l) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Nâng cấp tài sản thuê**

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 41 năm.

**(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

**(tiếp theo)**

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

**(ii) Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)**

**(q) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Phân bổ được trích lập mỗi năm cho các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**(r) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh. ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được ghi vào nguyên giá của tài sản cố định này.

**(u) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

## **Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(v) Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

#### **(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
Tiền mặt	37.070.633.556	36.004.738.513
Tiền gửi ngân hàng	203.783.533.884	102.022.094.326
Các khoản tương đương tiền	336.808.316.577	398.762.351.267
	<hr/>	<hr/>
	577.662.484.017	536.789.184.106

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số ngoại tệ tương đương 5.067 triệu VNĐ (31/12/2009: 28.376 triệu VNĐ).

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại bao gồm:

	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
Phải thu từ các công ty con	62.729.107.307	36.620.180.807
Phải thu từ các công ty liên kết	623.228.259	570.773.696
Phải thu từ các bên thứ ba	213.998.696.492	184.961.139.611
	<hr/>	<hr/>
	277.351.032.058	222.152.094.114

Các khoản phải thu không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là khoản trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)**

Phải thu khác bao gồm:

	<b>31/12/2010</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>
Chi phí hoa hồng trả trước	55.843.353.770	6.772.001.609
Thu nhập tiền lãi phải thu	1.092.298.387	5.090.610.265
Các khoản cho vay (*)	7.081.051.026	1.985.742.846
Phải thu từ các công ty con	2.763.247.804	124.851.862
Phải thu từ cán bộ công nhân viên	12.499.149.208	-
Phải thu từ việc hủy hợp đồng thuê đất	13.848.944.240	-
Phải thu khác	1.776.698.372	7.863.359.858
	<hr/>	<hr/>
	94.904.742.807	21.836.566.440

(\*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết và các bệnh viện vay với kỳ hạn dưới một năm, không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 10.2% đến 13.0% trong năm (2009: từ 8.4% đến 12.0%).

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.161.536.852	18.702.735.510
Tăng dự phòng trong năm	3.516.567.725	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.090.717.508)	(15.541.198.658)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.587.387.069	3.161.536.852

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
(tiếp theo)

**5. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>
Hàng mua đang đi đường	50.952.551.152	43.124.674.437
Nguyên vật liệu	124.294.581.022	116.139.550.290
Sản phẩm dở dang	36.775.463.130	22.275.521.710
Thành phẩm	109.802.188.280	99.725.506.135
Hàng hóa	2.346.540.995	5.040.313.746
Hàng gửi đi bán	3.561.968.839	10.542.785.426
	<hr/>	<hr/>
	327.733.293.418	296.848.351.744
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.965.968.111)	(4.844.824.822)
	<hr/>	<hr/>
	324.767.325.307	292.003.526.922

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	4.844.824.822	-
Tăng dự phòng trong năm	-	4.844.824.822
Hoàn nhập	(1.878.856.711)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.965.968.111	4.844.824.822



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	45.190.778.862	99.578.007.918	44.239.323.191	32.221.025.051	221.229.135.022
Tăng trong năm	3.443.656.446	13.334.637.154	3.388.254.543	8.900.511.621	29.067.059.764
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	27.605.240.507	3.087.528.667	16.243.104.605	1.030.266.557	47.966.140.336
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.000.196.619)	-	-	-	(5.000.196.619)
Thanh lý	-	(910.930.560)	(7.793.973.400)	(719.930.860)	(9.424.834.820)
Xóa sổ	(300.109.858)	(32.889.002)	-	(237.780.887)	(570.779.747)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>70.939.369.338</b>	<b>115.056.354.177</b>	<b>56.076.708.939</b>	<b>41.194.091.482</b>	<b>283.266.523.936</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	15.237.061.112	54.084.046.848	17.960.024.879	20.633.629.823	107.914.762.662
Khấu hao trong năm	4.443.186.968	15.842.655.838	7.492.048.883	4.984.151.842	32.762.043.531
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.088.879.610)	-	-	-	(1.088.879.610)
Thanh lý	-	(791.145.676)	(3.718.101.047)	(652.985.581)	(5.162.232.304)
Xóa sổ	(300.109.858)	(32.889.002)	-	(207.747.577)	(540.746.437)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.291.258.612</b>	<b>69.102.668.008</b>	<b>21.733.972.715</b>	<b>24.757.048.507</b>	<b>133.884.947.842</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	29.953.717.750	45.493.961.070	26.279.298.312	11.587.395.228	113.314.372.360
Số dư cuối năm	52.648.110.726	45.953.686.169	34.342.736.224	16.437.042.975	149.381.576.094

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 38.101 triệu VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 24.550 triệu VNĐ). nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
(tiếp theo)

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng đất có thời hạn VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	58.681.043.545	52.516.207.480	2.287.729.160	113.484.980.185
Tăng trong năm	-	23.398.284.076	1.167.063.250	24.565.347.326
Điều chỉnh giá mua	(5.364.173.499)	(127.050.000)	-	(5.491.223.499)
Xóa sổ	-	(814.127.200)	-	(814.127.200)
Số dư cuối năm	53.316.870.046	74.973.314.356	3.454.792.410	131.744.976.812
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	-	715.332.425	715.332.425
Khấu hao trong năm	-	2.924.199.102	377.249.525	3.301.448.627
Số dư cuối năm	-	2.924.199.102	1.092.581.950	4.016.781.052
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	58.681.043.545	52.516.207.480	1.572.396.735	112.769.647.760
Số dư cuối năm	53.316.870.046	72.049.115.254	2.362.210.460	127.728.195.760

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	5.262.347.125	2.002.554.431
Tăng trong năm	53.235.776.139	30.173.458.859
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(47.966.140.336)	(26.913.666.165)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.784.450.098)	-
Thanh lý	(115.080.644)	-
Số dư cuối năm	7.632.452.186	5.262.347.125



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

(tiếp theo)

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng đất có thời hạn VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	58.681.043.545	52.516.207.480	2.287.729.160	113.484.980.185
Tăng trong năm	-	23.398.284.076	1.167.063.250	24.565.347.326
Điều chỉnh giá mua	(5.364.173.499)	(127.050.000)	-	(5.491.223.499)
Xóa sổ	-	(814.127.200)	-	(814.127.200)
Số dư cuối năm	53.316.870.046	74.973.314.356	3.454.792.410	131.744.976.812
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	-	715.332.425	715.332.425
Khấu hao trong năm	-	2.924.199.102	377.249.525	3.301.448.627
Số dư cuối năm	-	2.924.199.102	1.092.581.950	4.016.781.052
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	58.681.043.545	52.516.207.480	1.572.396.735	112.769.647.760
Số dư cuối năm	53.316.870.046	72.049.115.254	2.362.210.460	127.728.195.760

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	5.262.347.125	2.002.554.431
Tăng trong năm	53.235.776.139	30.173.458.859
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(47.966.140.336)	(26.913.666.165)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.784.450.098)	-
Thanh lý	(115.080.644)	-
Số dư cuối năm	7.632.452.186	5.262.347.125

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)****9. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	5.000.196.619
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.784.450.098
	<hr/>
Số dư cuối năm	7.784.646.717
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.088.879.610
Khấu hao trong năm	238.884.987
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.327.764.597
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư cuối năm	<hr/> 6.456.882.120 <hr/>



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
(tiếp theo)

**10. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH MTV DT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	3.000.000.000	3.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV In Bao Bì DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	2.550.000.000	2.550.000.000
▪ Công ty TNHH MTV A&G Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	5.000.000.000	3.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV TOT Pharma	5.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH MTV TG Pharma	5.000.000.000	-
	<hr/> 50.550.000.000	<hr/> 38.550.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
▪ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	3.787.450.000	3.830.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG	13.500.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	20.000.000.000
	<hr/> 37.287.450.000	<hr/> 23.830.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa – Vũng Tàu	70.000.000	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	<hr/> 11.901.050.200	<hr/> 11.901.050.200

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)**

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	4.674.007.476	7.000.000.000
Tăng dự phòng trong năm	12.527.471.749	-
Hoàn nhập	-	(2.325.992.524)
Số dư cuối năm	17.201.479.225	4.674.007.476

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2010	31/12/2009
Công ty con				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hóa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)**

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép Kinh doanh</b>	<b>% vốn sở hữu</b>	
			<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; in xuất bản ấn phẩm	Số 5704000183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	-
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	-
<b>Công ty liên kết</b> Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2010	31/12/2009
Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm dưới dạng viên nang mềm	Số 3700634575 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 1 năm 2008	30%	-
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Nâng cấp tài sản thuê VNĐ	Chi phí đất trả trước VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	2.048.073.510	34.060.309.920	36.108.383.430
Tăng trong năm	962.100.000	-	962.100.000
Phân bổ trong năm	(806.221.339)	(1.112.982.409)	(1.919.203.748)
Hủy hợp đồng thuê đất	-	(13.848.944.240)	(13.848.944.240)
Số dư cuối năm	2.203.952.171	19.098.383.271	21.302.335.442

**12. Vay ngắn hạn**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Khoản vay từ Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	58.441.135.487
Khoản vay từ nhân viên của Công ty (*)	12.802.412.973	15.538.526.645
	12.802.412.973	73.979.662.132

(\*) Các khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất tháng từ 0.55% đến 1.15% trong năm (2009: từ 0.55% đến 0.60%).



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)****13. Phải trả thương mại**

	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
Phải trả các công ty con	14.109.914.609	13.123.725.607
Phải trả các công ty liên kết	2.682.823.414	497.185.000
Phải trả các bên thứ ba	75.467.313.412	65.569.880.285
	<hr/>	<hr/>
	92.260.051.435	79.190.790.892

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.181.296.819	4.873.452.516
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.545.114.513	22.261.988.315
Thuế thu nhập cá nhân	17.131.130.102	4.319.350.104
Các loại thuế khác	22.599.873	-
	<hr/>	<hr/>
	34.880.141.307	31.454.790.935

**15. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
Giảm giá hàng bán	86.208.476.785	102.335.385.100
Chi phí khuyến mại	45.035.365.599	23.842.585.427
Chi phí hội thảo	16.128.505.475	9.932.467.215
Chi phí quảng cáo	2.015.111.870	2.378.127.202
Lãi vay phải trả	322.236.549	494.386.493
Các chi phí phải trả khác	8.983.329.562	11.049.781.307
	<hr/>	<hr/>
	158.693.025.840	150.032.732.744

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
(tiếp theo)

**16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được lập bằng việc phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Đại hội Cổ đông của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ</b>	<b>Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
Số dư đầu năm	-	-	-
Chuyển từ chi phí phải trả	-	1.090.573.893	1.090.573.893
Chuyển từ vốn chủ sở hữu	7.317.924.353	-	7.317.924.353
Phân bổ cho quỹ	30.222.178.298	10.227.010.616	40.449.188.914
Sử dụng quỹ	(16.857.104.954)	(8.387.260.972)	(25.244.365.926)
Số dư cuối năm	20.682.997.697	2.930.323.537	23.613.321.234

**17. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	14.096.813.663
Trích lập dự phòng trong năm	8.639.212.074
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.757.362.607)
Số dư cuối năm	20.978.663.130

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập dựa trên số năm làm việc và mức lương hiện tại của nhân viên đó.



## **Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đóng 499 triệu VNĐ (31/12/2009: 356 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Dự phòng được tính là chi phí. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	VNĐ
Số dư đầu năm	38.700.159.618
Sử dụng quỹ trong năm	(842.369.116)
Số dư cuối năm	37.857.790.502

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010****(tiếp theo)****19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	26.912.962	269.129.620.000	26.662.962	266.629.620.000
Cổ phiếu quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(9.120)	(410.400.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.902.832	268.673.770.000	26.653.842	266.219.220.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	26.653.842	266.219.220.000	19.993.500	199.707.500.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	250.000	2.500.000.000	-	-
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	-	-	6.662.962	66.629.620.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	(3.040)	(136.800.000)	(2.620)	(117.900.000)
Cổ phiếu quỹ phát hành lại	2.030	91.350.000	-	-
Số dư cuối năm	26.902.832	268.673.770.000	26.653.842	266.219.220.000

Trong năm, Công ty đã phát hành 250.000 cổ phiếu theo mệnh giá cho nhân viên của Công ty, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 4 tháng 8 năm 2009.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010****(tiếp theo)****20. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	1.811.920.751.984	1.602.278.963.454
▪ Hàng hóa đã bán	89.515.461.370	98.729.112.025
▪ Hàng khuyến mại	67.526.085.369	27.916.873.445
	<hr/> 1.968.962.298.723	<hr/> 1.728.924.948.924
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(22.222.289)
▪ Hàng bán bị trả lại	(16.036.691.738)	(23.340.777.523)
	<hr/> (16.036.691.738)	<hr/> (23.362.999.812)
Doanh thu thuần	<hr/> 1.952.925.606.985	<hr/> 1.705.561.949.112

**21. Giá vốn hàng bán**

	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
Thành phẩm đã bán	901.783.035.165	751.283.756.019
Hàng hóa đã bán	83.596.309.122	89.409.870.522
Hàng khuyến mãi	64.087.587.924	27.914.595.525
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.878.856.711)	4.844.824.822
	<hr/> 1.047.588.075.500	<hr/> 873.453.046.888

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
(tiếp theo)

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
Thu lãi tiền gửi	32.599.682.666	25.873.813.357
Cổ tức	19.088.661.946	4.615.671.674
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.873.106.888	2.637.172.553
	<hr/>	<hr/>
	55.561.451.500	33.126.657.584

**23. Chi phí tài chính**

	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
Chi phí lãi vay	2.010.709.744	3.389.443.987
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.325.496.099	743.908.149
Dự phòng đầu tư dài hạn	12.527.471.749	(3.803.546.944)
Chiết khấu thanh toán	-	11.301.684.176
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	11.181.054.420
Chi phí tài chính khác	72.000.000	104.648.674
	<hr/>	<hr/>
	15.935.677.592	22.917.192.462

**24. Thu nhập khác**

	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
Thu nhập từ bán phế liệu	448.642.971	432.978.995
Thu từ thanh lý tài sản cố định	5.980.583.281	3.745.646.133
Thu từ chuyển quyền góp vốn cổ phần	-	11.681.818.182
Thu nhập từ cho thuê đất và xe ô tô	3.384.331.008	656.000.000
Thu nhập khác	3.107.237.687	765.049.337
	<hr/>	<hr/>
	12.920.794.947	17.281.492.647



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)****25. Chi phí khác**

	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	5.083.021.883	2.673.535.736
Thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	115.080.644	
Chi phí chuyển quyền góp vốn cổ phần	-	10.752.381.674
Chi phí phạt thuế	73.403.837	1.192.490.599
Chi phí thuê đất	1.674.253.578	-
Chi phí tài trợ các bệnh viện	1.808.227.452	-
Chi phí khác	660.680.491	852.218.132
	<b>9.414.667.885</b>	<b>15.470.626.141</b>

**26. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Tài sản thuế hoãn lại**

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ:

	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
Các khoản dự phòng	821.476.627	821.476.627

**(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	45.689.142.228	43.916.637.478
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	1.998.054.010
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>45.689.142.228</b>	<b>45.914.691.488</b>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)****(c) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
Lợi nhuận trước thuế	392.509.152.957	365.489.744.677
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	98.127.288.239	91.372.436.169
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.010.810.760	4.615.671.674
Thu nhập không chịu thuế	(4.772.165.487)	(1.153.917.919)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(51.676.791.284)	(48.919.498.436)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	45.689.142.228	45.914.691.488

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2013 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011. Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 25%.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)****27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành, được thực hiện như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	346.820.010.729	319.575.053.189

**(ii) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	26.653.842	19.993.500
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	-	6.662.962
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2009	-	(1.462)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 3 năm 2010	(1.754)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu tái phát hành tháng 6 năm 2010	1.185	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 7 năm 2010	125.342	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 8 năm 2010	(362)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	26.778.253	26.655.000

**28. Cổ tức**

Đại hội Cổ đông của Công ty ngày 29 tháng 4 năm 2010 quyết định chia cổ tức là 69.966 triệu VNĐ trong đó bao gồm cổ tức giữa niên độ là 29.989 triệu VNĐ (15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 4 tháng 9 năm 2009) và cổ tức cuối năm là 39.977 triệu VNĐ (15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 26 tháng 3 năm 2010). Ngoài ra, cuộc họp Hội đồng Quản trị vào ngày 14 tháng 7 năm 2010 quyết định chia cổ tức giữa niên độ cho năm 2010 là 26.903 triệu VNĐ (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 27 tháng 10 năm 2010).

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
(tiếp theo)

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan****Các bên liên quan**

Công ty có mối quan hệ liên quan với các công ty con, công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các nhân sự điều hành.

**Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết**

Ngoài số dư với các công ty con và các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty con và công ty liên kết:

	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
<b>Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG</b>		
Mua nguyên vật liệu	120.136.732.522	98.946.721.167
Bán nguyên vật liệu	42.973.033.299	34.650.964.955
Dịch vụ điện	1.314.017.906	-
Thu nhập cổ tức	10.682.806.665	2.016.525.933
<b>Công ty TNHH MTV Du lịch DHG</b>		
Bán dịch vụ	1.477.727.273	-
Mua dịch vụ	28.765.406.888	13.276.060.457
Góp vốn	-	2.700.000.000
Thu nhập cổ tức	672.166.938	310.936.766
<b>Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM</b>		
Bán thành phẩm	25.876.144.699	22.462.630.603
Bán hàng hóa	9.985.000	-
Bán hàng khuyến mại	487.623.734	665.178.608
Dịch vụ điện	144.000.000	-
Thu nhập cổ tức	1.571.946.445	130.887.864
<b>Công ty TNHH MTV DT Pharma</b>		
Bán thành phẩm	25.658.958.548	21.198.696.614
Bán khác	925.414.280	579.969.858
Góp vốn	-	5.000.000.000
Thu nhập cổ tức	971.769.217	16.994.859
<b>Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	32.215.147.246	26.302.023.544
Bán khác	180.000.000	331.637.742
Thu nhập cổ tức	1.086.525.116	285.545.220
<b>Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST</b>		
Bán thành phẩm	28.295.038.411	18.568.773.506
Bán khác	837.011.875	512.799.455
Góp vốn	-	3.000.000.000
Thu nhập cổ tức	612.194.250	-



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
(tiếp theo)

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
<b>Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG</b>		
Mua nguyên vật liệu	23.893.554.521	21.256.786.915
Bán nguyên vật liệu	1.949.269.534	5.925.094.535
Bán tài sản cố định	-	2.801.495.104
Phí dịch vụ gia công	2.676.990.603	1.433.455.581
Bán dịch vụ (thuê xe và nhà)	1.136.636.925	-
Góp vốn	-	5.000.000.000
Thu nhập cổ tức	1.266.787.537	-
<b>Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu</b>		
Bán thành phẩm	53.472.211.140	46.384.050.146
Bán hàng hóa	913.955.339	2.247.833.274
Bán tài sản cố định và công cụ	-	315.440.735
Mua hàng hóa	35.666.250	-
Nhận dịch vụ gia công	47.893.911	-
Thu nhập cổ tức	-	459.000.000
<b>Công ty TNHH MTV A&amp;G Pharma</b>		
Bán thành phẩm	82.010.669.138	29.236.548.693
Bán hàng hóa	19.937.973	-
Bán hàng khuyến mại	2.521.263.939	-
Bán khác	-	693.553.716
Góp vốn	-	5.000.000.000
Thu nhập cổ tức	1.019.253.478	-
<b>Công ty TNHH MTV TOT Pharma</b>		
Mua hàng hóa	178.719.610	-
Bán hàng khuyến mại	756.062.203	-
Bán hàng hóa	2.058.638.077	-
Bán thành phẩm	39.651.140.288	-
Mua hàng hóa	8.125.924.192	-
<b>Công ty TNHH MTV TG Pharma</b>		
Bán thành phẩm	20.127.647.485	-
Bán công cụ và dụng cụ	393.965.361	-
<b>Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường</b>		
Mua nguyên vật liệu	1.250.115.000	1.144.757.900
Dịch vụ xây dựng	-	2.594.656.000
Thu nhập cổ tức	300.000.000	400.000.000
<b>Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo</b>		
Mua nguyên vật liệu	8.319.400.000	3.823.781.364
Phí gia công	-	888.933.440
Góp vốn	-	230.000.000
Thu nhập cổ tức	451.560.000	-

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
(tiếp theo)

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG</b>		
Mua nguyên vật liệu	7.473.458.958	-
Bán thành phẩm	1.257.020.186	-

**Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt**

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	7.174.595.605	4.354.365.247

**30. Các cam kết****(a) Cam kết mua sắm tài sản**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	338.828.702.009	5.831.015.050
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	56.351.141.008	5.267.920.545
	395.179.843.017	11.098.935.595

**(b) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu đối với các hợp đồng thuê không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	2.828.559.996	1.941.600.000
Từ hai đến năm năm	4.156.810.442	3.036.580.000
	6.985.370.438	4.978.180.000



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
(tiếp theo)

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

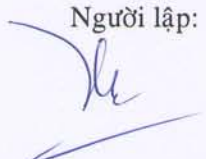
	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	763.599.883.878	609.886.399.498
Chi phí nhân công và nhân viên	377.571.662.056	343.006.892.647
Chi phí khấu hao và phân bổ	38.221.580.893	28.050.036.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.381.298.496	128.579.253.842
Các chi phí khác	96.893.486.056	119.295.901.863

**32. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm hiện hành như sau:

	<b>31/12/2009</b> <b>(phân loại lại)</b>  <b>VND</b>	<b>31/12/2009</b> <b>(như đã báo cáo</b> <b>trước đây)</b>  <b>VND</b>
Chi phí phải trả	150.032.732.744	188.732.892.362
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	38.700.159.618	-

Người lập:

  
**Đặng Phạm Huyền Nhung**  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
**Lê Chánh Đạo**  
Phó Tổng Giám đốc



ngày 30 tháng 3 năm 2011